

Cập nhật tiến độ cao tốc Bắc – Nam, Thị trường biến động mạnh

Kinh tế

Trong năm 2020, Việt Nam dự kiến hoàn thành 361 km cao tốc Bắc-Nam. Trong cuộc họp về tình hình thực hiện dự án xây dựng đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam giai đoạn 2017 – 2020, Phó Thủ Tướng Lê Văn Thành yêu cầu từ nay đến cuối năm 2022 hoàn thành 361 km đường cao tốc, đưa vào khai thác, sử dụng. Cụ thể, các đoạn cao tốc đang thi công, yêu cầu phải hoàn thành trong năm 2022 gồm: Đoạn từ Mai Sơn (Ninh Bình) – Quốc lộ 45 (Thanh Hóa) dài 63,37 km; đoạn Cam Lộ (Quảng Trị) - La Sơn (Thừa Thiên Huế) dài 98,3 km; Đoạn Vĩnh Hảo (Bình Thuận) đến Dầu Giây (Đồng Nai) dài 199,8 km. Đồng thời, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành 149 km trong năm 2023, gồm các đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn (dài 43,28 km); Nghi Sơn - Diễn Châu (dài 50 km); Nha Trang - Cam Lâm dài 49,1 km và Cầu Mỹ Thuận 2 dài 6,6 km.

Thị trường tuần qua

Chỉ số VNIndex đã có tuần biến động mạnh và đóng cửa ở mức 1,504 (+0.2 % w/w) giữa căng thẳng Nga và Ukraine. Trong tuần thị trường đã có phiên mất điểm 2% vào thứ Ba khi căng thẳng giữa Nga và Ukraine tiếp tục leo thang. Ngoài ra các thông tin về cuộc họp Fed ngày 14/02/2022 và đáo hạn phái sinh cũng làm gia tăng độ biến động thị trường. Kết thúc cuối tuần chỉ số đã hồi phục để đạt mức 1,504 điểm (+0.2% w/w). Thanh khoản thị trường không có biến động nhiều so với tuần trước với giá trị giao dịch bình quân ngày đạt mức 21,290 tỷ đồng (-2.5%).

Thị trường tuần qua chứng kiến dòng tiền tìm đến các nhóm vốn hóa nhỏ cộng với kỳ vọng hưởng lợi từ hồi phục kinh tế như : du lịch & giải trí (+7.9% w/w), ô tô và linh kiện (+4.8% w/w), và sức khỏe (3.9% w/w). Đáng chú ý là ngành ngân hàng (-4.2% w/w) là ngành duy nhất giảm trong tuần qua. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư vẫn còn lo ngại rủi ro tăng lãi suất từ Fed cho nên tạm thời chốt lời ngành ngân hàng.

Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường mua khi thị trường giảm mạnh. Kết thúc cuối tuần họ đã mua ròng 1,553 tỷ đồng, tập trung nhiều vào các mã MSN (304 tỷ đồng), KBC (238 tỷ đồng), GAS (237 tỷ đồng), STB (236 tỷ đồng) và GMD (196 tỷ đồng).

Danh mục đề xuất tháng 2.2022

Trong tháng 2.2022 chúng tôi đề xuất danh mục đầu tư và tỷ lệ phân bổ như bảng sau. Đây là danh mục được thiết kế với mục tiêu cải thiện hiệu suất đầu tư đối với chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên cân nhắc rủi ro và lợi nhuận trước khi quyết định đầu tư. Danh mục này chúng tôi sẽ tái cân bằng (re-balance) hằng tháng dựa trên mô hình định lượng của chúng tôi.

Danh mục mẫu tháng 2.2022

Ticker	Weight
CTG	19.2%
MBB	20.5%
STB	10.7%
TPB	16.2%
VCB	10.3%
VHM	23.1%

Research Team
research@tvs.vn

Chỉ Số Kinh tế

GDP 2021 (% YoY)	2.58%
Chỉ số công nghiệp 01 tháng / 2022 (% YoY)	2.4%
Chỉ số bán lẻ 01 tháng / 2022 (% YoY)	1.3%
Xuất khẩu 01 tháng / 2022 (tỷ đôla)	30.84
Nhập Khẩu 01 tháng / 2022 (tỷ đôla)	29.45
Thặng dư 01 tháng / 2022 (tỷ đôla)	1.39
Dự trữ ngoại hối 2021 (tỷ đôla)	105
FDI đăng ký 01 tháng / 2022 (tỷ đôla)	2.1
FDI thực hiện 01 tháng / 2022 (tỷ đôla)	1.61
CPI @ 31.01.2022 (% YoY)	1.94%
Lãi suất điều hành (%)	2.5%
Lãi suất tái chiết khấu/cấp vốn (%)	2.5% / 4%
Tỷ giá USD/VND (NHNN)	23,123

Nguồn: GSO, SBV and TVS Research

Thị trường tiền tệ

%	Tuần 08	Tuần 07
Lãi suất qua đêm	2.740	2.950
Lợi suất TPCP – 01 năm	0.900	0.737
Lợi suất TPCP – 03 năm	1.063	0.899
Lợi suất TPCP – 05 năm	1.180	0.989
Lợi suất TPCP – 10 năm	2.257	2.142

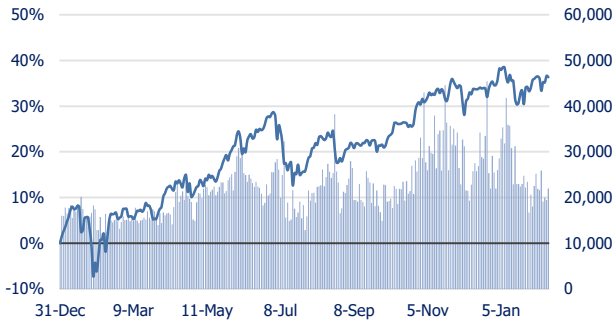
Nguồn: TVS, Bloomberg

Thị trường chứng khoán

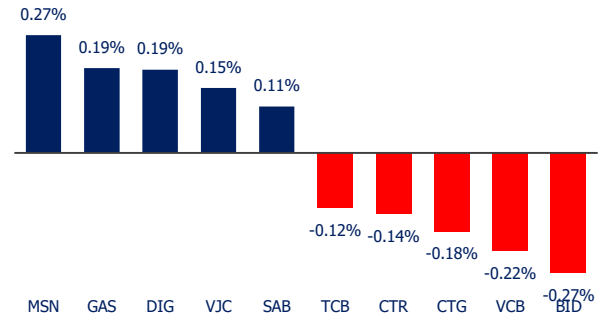
Tại ngày 18/02/2022	HSX	HNX
Chỉ Số	1,504.8	435.6
Thay đổi trong 01 tuần (%)	0.2%	2.0%
Vốn hóa (tỷ USD)	261.5	21.2
Số cổ phiếu	408	341
Giá trị giao dịch t.bình ngày (triệu \$)	932.6	95.6
P/E 12 tháng gần nhất (x)	17.1	23.4
P/B 12 tháng gần nhất (x)	2.6	2.7
Lợi suất cổ tức (%)	1.1	1.2

Nguồn: TVS, Bloomberg

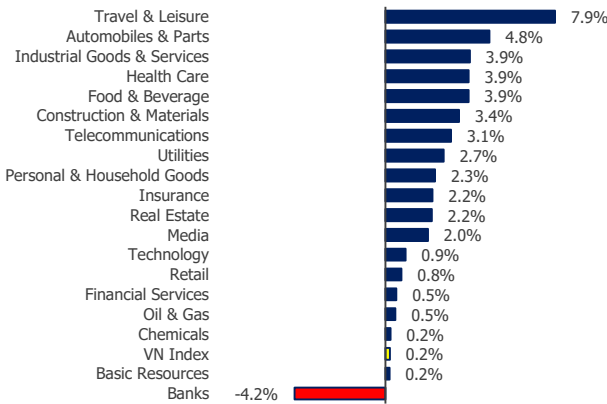
Hình 1: VNindex & Giá trị giao dịch



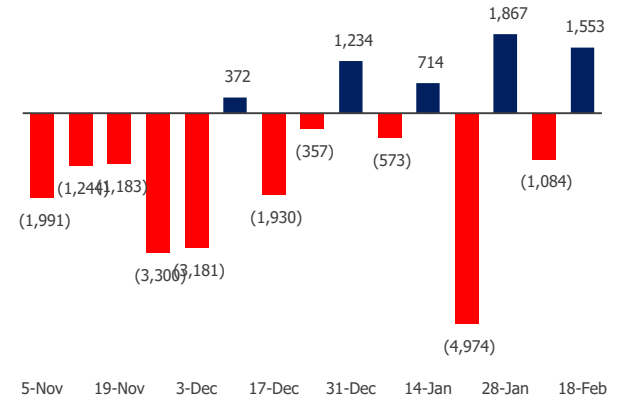
Hình 2: Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất tới VNindex (Tuần)



Hình 3: Biến động ngành (Tuần)



Hình 4 : Giao dịch nước ngoài (VNDbn)



Bảng 5: Top 20 cổ phiếu theo vốn hóa (ĐVT: đồng)

Ticker	Sector (ICB L2)	Market Cap (VNDbn)	P/E	P/B	TTM ROE @ 3Q21	2W-Avg Trading Value (VNDbn)	2W-Avg Matching Value (VNDbn)	YTD Return 31-Dec-21	3M Return 18-Nov-21	1M Return 14-Jan-22	WTD Return 11-Feb-22
VN Index		5,968,749	17.1	2.6				0.4%	2.4%	0.6%	0.2%
VCB	Banks	414,095	18.9	3.7	21.3%	294	153	10.7%	16.1%	4.6%	-3.1%
VHM	Real Estate	351,833	8.9	2.7	35.3%	344	317	-2.8%	-3.7%	-3.0%	0.0%
VIC	Real Estate	316,938	(116.0)	3.2	-1.9%	507	504	-13.6%	-13.0%	-16.9%	0.6%
BID	Banks	232,692	22.0	2.8	12.7%	157	157	20.5%	26.9%	1.0%	-6.7%
GAS	Utilities	227,186	26.2	4.4	17.1%	122	121	21.6%	2.8%	10.9%	5.4%
HPG	Basic Resources	207,991	6.0	2.3	46.0%	972	927	1.4%	-5.8%	1.7%	-0.2%
ACV	Industrial Goods & Services	207,955	250.4	5.5	2.2%	14	14	14.9%	110%	9.1%	4.8%
MSN	Food & Beverage	192,427	22.4	5.9	25.4%	183	151	-4.5%	10.5%	12.8%	9.0%
TCB	Banks	183,270	10.1	2.0	21.5%	644	584	3.2%	0.2%	3.7%	-3.9%
VNM	Food & Beverage	168,868	16.0	5.1	30.3%	182	163	-5.2%	-6.9%	-4.8%	-1.7%
CTG	Banks	167,721	11.9	1.8	15.7%	372	370	2.1%	10.3%	-2.4%	-6.0%
VPB	Banks	161,371	13.6	2.1	17.0%	527	507	0.3%	1.4%	3.0%	-1.9%
NVL	Real Estate	152,503	46.6	4.4	8.8%	336	212	-13.7%	0.1%	-4.3%	0.5%
GVR	Chemicals	136,000	32.0	2.8	8.2%	40	39	-9.1%	-15.7%	-5.9%	-1.0%
MBB	Banks	125,440	9.9	2.1	22.6%	605	579	13.0%	15.4%	10.1%	-3.8%
SAB	Food & Beverage	109,338	29.7	5.2	16.8%	51	34	13.6%	2.0%	11.5%	6.1%
VGI	Telecommunications	97,192	(115.1)	3.4	-2.9%	10	10	0.4%	-12.2%	5.1%	3.2%
MWG	Retail	95,876	19.5	4.7	27.3%	137	116	-1.4%	-3.6%	0.0%	-1.0%
ACB	Banks	92,677	9.7	2.1	23.9%	429	354	-1.9%	4.2%	2.4%	-5.2%
BCM	Real Estate	87,458	68.7	5.6	7.5%	38	38	30.8%	42.5%	10.1%	5.8%

Nguồn: FiiGroup & TVS Research

SẢN PHẨM

Nghiên cứu được xuất bản hàng tuần và hàng tháng, tập trung vào thị trường cổ phiếu của Việt Nam. Trong nghiên cứu, chúng tôi liên kết các kết quả kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ với kết quả thị trường cổ phiếu.

KHUYẾN CÁO

Bản quyền năm 2021 thuộc về Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS). Tất cả các quyền được bảo lưu. Bảng báo cáo này được lập ra để phục vụ cho khách hàng của TVS và không được sao chép, in ấn, hoặc xuất bản lại toàn bộ hoặc từng phần báo cáo vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TVS. Các thông tin, dự báo, và khuyến nghị trong báo cáo này (bao gồm cả các nhận định cá nhân) được dựa trên các nguồn thông tin tin cậy; tuy nhiên TVS không đảm bảo chắc chắn sự chính xác hoàn toàn và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. TVS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần thông tin hoặc ý kiến trong báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

HỒ CHÍ MINH

63A Võ Văn Tần, Quận 3
Tầng 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long
ĐT: +84 (28) 7300 6588 | Fax: +84 (28) 299 2088

HÀ NỘI

22 Láng Hạ, Đống Đa
Tòa nhà TDL
ĐT: +84 (24) 7300 6588 | Fax: +84 (24) 3248 4821

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Duy Nguyen (Mr.), Trưởng phòng
Thị trường
duyinh@tvs.vn

Loi Nguyen (Mr.), Chuyên viên
Hàng Tiêu dùng
loinlt@tvs.vn

Duc Dang (Mr.), Chuyên viên
Hàng hóa cơ bản
ducdtm@tvs.vn

Minh Nguyen (Mr.), CFA
Dự Án & Dữ liệu
minhnh@tvs.vn

BỘ PHẬN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

ib.hcm@tvs.vn

BỘ PHẬN MÔI GIỚI

brokerage.hcm@tvs.vn
brokerage.hn@tvs.vn